

## 成都地下鉄 5 号線 駅名 1/4

No	駅名	メモ
1	huá guì lù zhàn 华桂路站	
2	bǎi shuǐ chǎng zhàn 柏水场站	
3	liào jiā wān zhàn 廖家湾站	
4	běi bù shāng mào chéng zhàn 北部商贸城站	
5	xìng fú qiáo zhàn 幸福桥站	
6	jiǔ dào yàn zhàn 九道堰站	
7	dù jiā niǎn zhàn 杜家碾站	
8	dà fēng zhàn 大丰站	
9	shí xī gōng yuán zhàn 石犀公园站	
10	huáng huā yuán zhàn 皇花园站	
11	lù jiā qiáo zhàn 陆家桥站	

## 成都地下鉄 5 号線 駅名 2/4

No	駅名	メモ
12	quán shuǐ lù zhàn 泉水路站	
13	dòng zǐ kǒu zhàn 洞子口站	
14	fú níng lù zhàn 福宁路站	
15	wǔ kuài shí zhàn 五块石站	
16	sài yún tái zhàn 赛云台站	
17	běi zhàn xī èr lù zhàn 北站西二路站	
18	xī běi qiáo zhàn 西北桥站	
19	huā pái fāng zhàn 花牌坊站	
20	fǔ qín zhàn 抚琴站	
21	zhōng yī dà shěng yī yuàn zhàn 中医大省医院站	
22	qīng yáng gōng zhàn 青羊宫站	

成都地下鉄 5 号線 駅名 3/4

No	駅名	メモ
23	shěng gǔ kē yī yuàn zhàn 省骨科医院站	
24	gāo shēng qiáo zhàn 高升桥站	
25	kē yuán zhàn 科园站	
26	jiǔ xìng dà dào zhàn 九兴大道站	
27	shén xiān shù zhàn 神仙树站	
28	shí yáng lì jiāo zhàn 石羊立交站	
29	shì yī yī yuàn zhàn 市一医院站	
30	jiāo zǐ dà dào zhàn 交子大道站	
31	jǐn chéng dà dào zhàn 锦城大道站	
32	jǐn chéng hú zhàn 锦城湖站	
33	dà yuán zhàn 大源站	

## 成都地下鉄 5 号線 駅名 4/4

No	駅名	メモ
34	mín lè zhàn 民乐站	
35	qí lóng zhàn 骑龙站	
36	jǐng guān xué yuàn zhàn 警官学院站	
37	èr jiāng sì zhàn 二江寺站	
38	nán hú lì jiāo zhàn 南湖立交站	
39	yí xīn hú zhàn 怡心湖站	
40	lóng mǎ lù zhàn 龙马路站	
41	huí lóng zhàn 回龙站	

